

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1935/QĐ-UBND

*Phú Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch Quản lý không gian ven bờ (ISP) huyện Đông Hòa, thị xã Sông Cầu và thành phố Tuy Hòa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Hiệp định dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững số 5113-VN được ký ngày 09/8/2012 giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 698/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/3/2012 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững, vốn vay ngân hàng thế giới (CRSD); số 770/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/4/2012 về việc phê duyệt nội dung sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững, vốn vay ngân hàng thế giới (WB); số 2252/QĐ-BNN-KH ngày 18/9/2012 về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể dự án “Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSD)”;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1669/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSD) tỉnh Phú Yên; số 1557/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập quy hoạch không gian liên ngành khu vực ven bờ (ISP) huyện Đông Hòa, thị xã Sông Cầu, thành phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT (tại Tờ trình số: 267/TTr-SNN-CRSD ngày 13/9/2018) và Hồ sơ kèm theo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quản lý không gian ven bờ (ISP) huyện Đông Hòa, thị xã Sông Cầu, thành phố Tuy Hòa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Lao động Thương

binh và Xã hội, Chủ tịch UBND huyện Đông Hòa, thị xã Sông Cầu và thành phố Tuy Hòa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hữu Thế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Về việc quản lý không gian ven bờ (ISP) huyện Đông Hòa, thị xã Sông Cầu và thành phố Tuy Hòa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

### **I. KHÁI QUÁT CHUNG:**

#### **1. Phạm vi:**

- Phạm vi nghiên cứu: Vùng đất liền và vùng biển ven bờ của huyện Đông Hòa, thị xã Sông Cầu, thành phố Tuy Hòa.

- Phạm vi không gian lập kế hoạch: Vùng biển ven bờ (cách bờ 06 hải lý trở vào) của huyện Đông Hòa, thị xã Sông Cầu, thành phố Tuy Hòa.

Phạm vi thời gian: Kế hoạch quản lý không gian ven bờ thị xã Sông Cầu, thành phố Tuy Hòa, huyện Đông Hòa đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

#### **2. Quan điểm:**

- Đảm bảo cân bằng hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ hệ sinh thái biển để hướng đến phát triển bền vững.

- Rà soát các quy hoạch hiện có và dựa trên sự tham gia của các bên liên quan để xác định các vấn đề chồng lấn, đề xuất các giải pháp sử dụng không gian vùng ven biển trong tương lai.

- Kế hoạch quản lý không gian ven bờ chú trọng giải quyết các chồng lấn xảy ra trong việc sử dụng không gian ở cả hiện tại và có thể xảy ra trong tương lai, tiến hành phân vùng dựa trên những căn cứ về hiện trạng phát triển của địa phương đặt trong bối cảnh quốc gia và quốc tế.

- Kế hoạch quản lý không gian ven bờ tăng cường chia sẻ thông tin quy hoạch giữa các ngành, thúc đẩy sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, của các bên liên quan trong quá trình lập kế hoạch, xây dựng và thực hiện quy hoạch.

#### **3. Mục tiêu:**

a) Mục tiêu chung: Xây dựng Kế hoạch phân vùng sử dụng tổng hợp vùng ven biển tỉnh Phú Yên nhằm mục đích sử dụng hợp lý, hiệu quả không gian biển ven bờ trên cơ sở bảo tồn, phát triển nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

#### **b) Mục tiêu cụ thể:**

- Xây dựng những luận cứ khoa học phục vụ quy hoạch không gian tổng hợp vùng ven bờ tỉnh Phú Yên.

- Phân tích, làm rõ bản chất và đề xuất hướng giải quyết các mâu thuẫn giữa các bên trong quá trình khai thác, sử dụng không gian biển trên địa bàn tỉnh.

- Xác định không gian quy hoạch tổng hợp, đồng thời đề xuất giải pháp theo những lộ trình cụ thể nhằm sử dụng các không gian quy hoạch tổng hợp.

- Đề xuất điều chỉnh không gian đã quy hoạch thuộc các ngành có liên quan nếu chưa phù hợp.

## **II. NỘI DUNG:**

### **1. Xác định vùng chồng lấn và mâu thuẫn, xung đột trong sử dụng không gian biển ven bờ khu vực quy hoạch:**

#### **1.1. Mâu thuẫn trên vùng biển thị xã Sông Cầu:**

- Thị xã Sông Cầu có đường bờ biển dài khoảng 109km, phía Bắc giáp với tỉnh Bình Định tại điểm XH1 (tọa độ: X: 579.118,84; Y: 1.511.919,79) thuộc xã Xuân Hải, đi qua các xã: Xuân Hòa, Xuân Cảnh, Xuân Thịnh, Xuân Phương và các phường: Xuân Yên, Xuân Phú, Xuân Thành và kết thúc tại điểm XD432 (tọa độ: X: 581.467,58; Y: 1.477.854,98) tiếp giáp với xã An Ninh Tây-huyện Tuy An.

- Thị xã Sông Cầu là nơi có địa hình bờ biển rất đặc trưng với nhiều gành đá, dãy núi ăn sâu ra biển, tạo nên những không gian biển rất đặc trưng như các đầm, vịnh, các bãi biển kín gió. Bên cạnh đó, nơi đây là nhiều khu vực có các hệ sinh thái biển đặc trưng. Sự kết hợp này tạo cho Sông Cầu những tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch biển, thu hút nhiều dự án du lịch đã và đang chuẩn bị đầu tư. Tuy nhiên, cũng chính vì vậy đã dẫn đến nhiều mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa các bên trong quá trình sử dụng biển.

#### **1.1.1. Mâu thuẫn tại vùng biển Bãi Bàng, xã Xuân Hải:**

##### **a) Hiện trạng và quy hoạch các ngành:**

- Hiện trạng: Bãi Bàng là khu vực biển thuộc thôn 2, xã Xuân Hải, thị xã Sông Cầu, giáp ranh với tỉnh Bình Định. Với chiều dài khoảng 340m, bờ biển thoải, cát trắng mịn, nằm gọn giữa 02 mõm núi nhô ra biển, về phía biển là hệ sinh thái rạn san hô, về phía đất liền là rừng dừa và phi lao đã tạo cho khu vực này một cảnh quan đẹp, có tiềm năng lớn để phát triển du lịch.

- Về quy hoạch: Bãi Bàng nằm trong khu quy hoạch phát triển du lịch sinh thái của thị xã Sông Cầu. Trước đây, khu vực biển này đã được UBND tỉnh cấp cho DNTN Hồng Anh thực hiện Dự án khu du lịch sinh thái Hồng Anh với diện tích 22.752m<sup>2</sup> (theo Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 26/6/2007). Tuy nhiên, sau một thời gian dài dự án du lịch này vẫn chưa được triển khai thực hiện. Ngày 13/10/2016, UBND tỉnh có Thông báo số 778/TB-UBND cho phép Công ty Trường Thành Việt Nam được tiếp cận, nghiên cứu, khảo sát để lập đề xuất đầu tư dự án: Khu du lịch, nghỉ dưỡng biển cao cấp tại khu vực Bãi Bàng. Dự án được đề xuất thực hiện với tổng diện tích 27,43ha; trong đó: Đất liền có diện tích 17,53ha; mặt biển có diện tích 9,9ha.

- Về hiện trạng khai thác, sử dụng: Trong khu vực này hiện có khoảng 40 hộ dân đang sinh sống, bao gồm các hoạt động chính như sau: Hoạt động kinh doanh du lịch (quy mô hộ gia đình), đánh bắt thủy sản ven bờ, khai thác tôm hùm giống, neo đậu tàu thuyền, tắm biển.

##### **b) Các điểm mâu thuẫn:**

Phân tích các đặc điểm về giá trị tài nguyên, hiện trạng khai thác sử dụng và quy hoạch các ngành, cho thấy những điểm mâu thuẫn chủ yếu sau:

i) Nhóm mâu thuẫn hiện tại:

\* *Nhóm mâu thuẫn hiện tại giữa hoạt động của ngành Du lịch và Thủy sản:*

Theo quy hoạch đã được phê duyệt, toàn bộ vùng này nằm trong khu quy hoạch phát triển du lịch. Tuy nhiên, thời gian qua việc phát triển du lịch chưa hiệu quả, nhà đầu tư đã được giao đất chậm triển khai dự án, hoạt động du lịch chỉ dừng lại ở mức hộ gia đình. Cũng chính vì vậy, công tác giải phóng mặt bằng, chuyển đổi nghề, lập khu tái định cư của người dân nơi đây chưa được triển khai. Người dân vẫn sống phụ thuộc vào biển với hai hoạt động chính là khai thác tôm hùm giống và đánh bắt gàu bờ. Từ đó dẫn đến việc: Trong một khu vực được quy hoạch và đã cấp cho nhà đầu tư để triển khai dự án du lịch nhưng lại có cả hoạt động đánh bắt và khai thác thủy sản, neo đậu tàu thuyền.

\* *Nhóm mâu thuẫn hiện tại giữa hoạt động kinh tế xã hội với điều kiện tự nhiên:*

Dưới tác động từ các hoạt động dân sinh và kinh doanh du lịch, môi trường khu vực này đang có dấu hiệu bị ô nhiễm. Đặc biệt, việc khai thác tôm hùm giống và neo đậu tàu thuyền sẽ là suy giảm, phá hủy các hệ sinh thái san hô.

ii) Phân tích các điều kiện tương lai:

Hiện nay, nhà đầu tư đang tích cực triển khai thủ tục pháp lý có liên quan để sớm đưa dự án du lịch vào thực tiễn. Do vậy, các dự án du lịch sẽ được triển khai đúng theo quy hoạch đã được duyệt. Nhưng cũng từ đó sẽ phát sinh một số vấn đề sau:

- Từ trước đến nay, người dân khu vực này vẫn bám biển và phụ thuộc vào biển. Mặc dù nằm trong khu quy hoạch du lịch nhưng việc di dời, tái định cư và chuyển đổi nghề cho bà con vẫn chưa được triển khai thực hiện. Do vậy, khi dự án du lịch được triển khai thực hiện sẽ ảnh hưởng lớn đến đời sống dân cư khu vực này, những tác động chính bao gồm: Ảnh hưởng đến nghề nghiệp (đánh bắt ven bờ, khai thác tôm hùm giống, neo đậu tàu thuyền), ảnh hưởng đến quyền tiếp cận biển của người dân.

- Chất thải phát sinh từ công đoạn xây dựng và từ các hoạt động du lịch sẽ tác động xấu đến môi trường sinh thái tự nhiên khu vực này.

c) Định hướng giải quyết:

Để thực hiện đúng quy hoạch đã được phê duyệt, đồng thời giải quyết hài hòa lợi ích của các bên liên quan, đơn vị tư vấn, Tô ISP cấp tỉnh, huyện xác định các bên liên quan bao gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND thị xã Sông Cầu, UBND xã Xuân Hải, các nhà đầu tư du lịch và cộng đồng dân cư. Dựa trên các phân tích đưa ra, hướng giải quyết vấn đề như sau:

- Vấn đề bố trí khu tái định cư, bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư: Trên cơ sở phần đất liền và biển cấp cho nhà đầu tư theo giấy chứng những đầu tư: UBND thị xã Sông Cầu chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch bàn bạc, thống nhất trình phương án bố trí khu tái định cư cho người dân, bàn giao mặt bằng để phát triển du lịch theo quy hoạch đã được duyệt.

- Vấn đề giải việc việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân: Khu vực biển Bãi Bàng không nằm trong khu quy hoạch neo đậu tàu thuyền, khai thác tôm hùm

giống. Do vậy cần thiết phải tạo ra hướng mới về nghề nghiệp cho người dân. UBND thị xã Sông Cầu cần chủ động làm việc với nhà đầu tư, qua đó đề nghị nhà đầu tư sử dụng lao động địa phương vào làm việc trong các khu du lịch. Đối với số hộ dân còn lại, cần chuyển đổi, đào tạo nghề khác hoặc tiếp tục khai thác biển nhưng theo hướng đánh bắt xa bờ.

- Vấn đề bảo vệ tài nguyên sinh thái và môi trường biển: Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan cần thẩm định, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tất cả các hoạt động có phát sinh chất thải, nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động đến môi trường tự nhiên.

#### 1.1.2. Mâu thuẫn tại vùng biển Bãi Bầu, xã Xuân Hải:

##### a) Hiện trạng và quy hoạch các ngành:

- Hiện trạng: Bãi Bầu, xã Xuân Hải là một bãi biển đẹp, với chiều dài khoảng 200m, nằm giữa 02 gành đá, sóng êm, cát trắng mịn, 02 đầu gành là các hệ sinh thái san hô, tạo nên một không gian du lịch lý tưởng.

- Về quy hoạch: Bãi Bầu nằm trong khu quy hoạch phát triển du lịch.

- Về khai thác, sử dụng: Khu vực biển Bãi Bầu đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác du lịch cho Công ty TNHH Hoàng Phát, hoạt động du lịch đã được triển khai nhiều năm nay.

b) Các điểm mâu thuẫn: Phân tích các đặc điểm về giá trị tài nguyên, hiện trạng khai thác sử dụng và quy hoạch các ngành, cho thấy những điểm mâu thuẫn chủ yếu sau:

##### i) Nhóm mâu thuẫn hiện tại:

- Mâu thuẫn giữa ngành thủy sản và du lịch: Khu vực này nằm trong vùng quy hoạch phát triển du lịch, tuy nhiên vẫn có hoạt động khai thác thủy sản, đặc biệt là tôm hùm giống. Nhưng do hoạt động du lịch còn ở quy mô nhỏ nên mâu thuẫn này đang ở mức độ thấp, sự xung đột lợi ích giữa 02 bên chưa thể hiện rõ.

- Mâu thuẫn giữa hoạt động kinh tế với môi trường sinh thái: Chất thải từ hoạt động kinh doanh du lịch, các hoạt động khai thác tôm hùm, đánh bắt thủy sản và neo đậu tàu thuyền làm ảnh hưởng đến môi trường và các hệ sinh thái trong khu vực.

##### ii) Phân tích các điều kiện tương lai:

Trong tương lai, quy mô khu du lịch sẽ được mở rộng, các hoạt động dịch vụ cũng tăng lên, từ đó nhóm mâu thuẫn với các hoạt động khai thác thủy sản, neo đậu tàu thuyền cũng được thể hiện rõ. Bên cạnh đó, môi trường sinh thái cũng chịu nhiều áp lực hơn.

##### c) Định hướng giải quyết:

Việc khai thác tôm hùm giống hiện nay chưa được quản lý chặt chẽ, chưa quy định rõ khu vực, mùa vụ, phương thức khai thác; do vậy rất khó khăn trong công tác quản lý. Để giải quyết căn bản vấn đề này trên phạm vi toàn tỉnh, Tổ tư vấn đề xuất cách thức giải quyết như sau: Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và chính quyền địa phương nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban

hành quy định quản lý hoạt động khai thác tôm hùm giống trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phù hợp các quy hoạch, các vùng quy hoạch đã được phê duyệt.
- Bảo tồn các giá trị tài nguyên sinh thái: Kết hợp khai thác phục vụ dân sinh nhưng phải bảo vệ, bảo tồn cảnh quan sinh thái.
- Giải quyết hài hòa lợi ích, sinh kế của người dân. Trong đó nên định hướng chuyển việc đổi nghề hoặc phát triển nghề theo hướng khai thác xa bờ, tránh việc khai thác phụ thuộc hoàn toàn vào tài nguyên ven bờ như lâu nay.

Quy định này là cơ sở pháp lý quan trọng để giải quyết các dạng mâu thuẫn vừa nêu trên trong phạm vi toàn tỉnh.

#### 1.1.3. Mâu thuẫn tại vùng biển Bãi Nôm:

##### a) Hiện trạng và quy hoạch các ngành:

- Hiện trạng: Bãi Nôm là bãi biển thuộc thôn Hòa An, xã Xuân Hòa. Cách Quốc lộ 1A khoảng 15km theo đường ô tô. Với chiều dài khoảng 650m, bờ cát trắng mịn, sóng êm, phía ngoài là hệ sinh thái san hô và được giới hạn bởi 02 gành đá nhô ra biển đã tạo nên một không gian lý tưởng cho phát triển du lịch tại khu vực này.

- Quy hoạch: Khu vực biển Bãi Nôm nằm trong vùng quy hoạch phát triển du lịch. Năm 2011, UBND tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty Cổ phần kinh doanh nhà Tân Việt An (thành phố Hồ Chí Minh) đầu tư dự án Khu du lịch Bãi Nôm. Hiện nay về cơ bản công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đã cơ bản hoàn tất, nhà đầu tư đang trong quá trình hoàn thiện để triển khai dự án.

- Hiện trạng sử dụng: Do dự án chưa đi vào giai đoạn thi công nên tại đây chỉ diễn ra các hoạt động của người dân, bao gồm: Khai thác tôm hùm giống, neo đậu tàu thuyền, tắm biển.

##### b) Các điểm mâu thuẫn:

###### i) Nhóm mâu thuẫn hiện tại:

Do dự án du lịch chưa đi vào giai đoạn xây dựng nên khu vực này vẫn được người dân sử dụng mà chưa giao cho nhà đầu tư triển khai dự án. Các hoạt động dân sinh trong khu vực này phát sinh mâu thuẫn sau: Mâu thuẫn giữa các hoạt động dân sinh với môi trường sinh thái: Hoạt động khai thác thủy sản, khai thác tôm hùm giống, neo đậu tàu thuyền, chất thải sinh hoạt đã gây nhiều tác động xấu đến môi trường sinh thái, đặc biệt là hệ sinh thái rạn san hô rất phong phú tại khu vực này.

###### ii) Phân tích các điều kiện tương lai:

Trong tương lai gần, dự án du lịch sẽ hoàn thành đưa vào hoạt động, từ đó làm phát sinh một số mâu thuẫn sau:

- Trong giai đoạn thi công: Mâu thuẫn giữa hoạt động xây dựng công trình với môi trường sinh thái: Các chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động xây dựng sẽ tác động rất xấu đến môi trường biển và các hệ sinh thái.

- Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

+ Mâu thuẫn giữa hoạt động du lịch và nhu cầu của người dân:

Đặc điểm của Bãi Nồm là nằm giữa 02 gành đá nhô ra biển, do đó khi dự án đi vào hoạt động sẽ hầu như chiếm toàn bộ không gian tiếp cận biển của người dân. Đối với các dự án du lịch cao cấp như khu Bãi Nồm thì luôn đòi hỏi có sự riêng tư, tránh tác động từ các hoạt động dân sinh, do vậy nhà đầu tư thường yêu cầu không gian riêng. Về phía người dân, việc tiếp cận biển, tắm biển là các hoạt động gắn bó lâu đời và được luật pháp quy định, do vậy đây là nhu cầu cấp thiết và chính đáng.

Tiếp đến, bên cạnh không được tiếp cận biển, việc giao khu vực biển cho dự án du lịch sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động neo đậu tàu thuyền và khai thác thủy sản, đặc biệt là khai thác tôm hùm giống của người dân.

+ Mâu thuẫn giữa hoạt động du lịch và nhu cầu của người dân: Các chất thải và các hoạt động du lịch sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái khu vực này.

c) Định hướng giải quyết:

- Trong giai đoạn thi công dự án: Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan thường xuyên giám sát, theo dõi công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình xây dựng dự án theo đúng hồ sơ đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Trong gian đoạn dự án đi vào hoạt động: Vấn đề mâu thuẫn về mặt không gian biển giữa hoạt động du lịch và nhu cầu của người dân là một quá trình phức tạp, vì các bên sử dụng đều có những lý do chính đáng. Đơn vị tư vấn, Tổ ISP cấp tỉnh và thị xã Sông Cầu xác định các bên liên quan bao gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND thị xã Sông Cầu, UBND xã Xuân Hòa; đề xuất hướng giải quyết như sau:

+ UBND thị xã Sông Cầu chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan làm việc với nhà đầu tư để thỏa thuận về bố trí không gian công cộng phục vụ cho nhu cầu tiếp cận biển của người dân. Kết quả thỏa thuận này là cơ sở để thẩm định, thống nhất các phương án và thông số xây dựng, phương án cho thuê đất và giao khu vực biển cho nhà đầu tư. Trong trường hợp nhà đầu tư không thống nhất việc bố trí không gian công cộng thì xem xét, phân tích lợi ích, nhu cầu sử dụng của các bên để giải quyết hài hòa vấn đề. Các hướng đề xuất giải quyết là: Nhà đầu tư hỗ trợ để xây dựng hạ tầng, tạo một không gian công cộng ở một khu vực biển khác; rà soát, bố trí lại khu vực, thời gian khai thác tôm hùm, khu neo đậu tàu thuyền ... theo quy hoạch được duyệt

+ Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tham mưu giải quyết vấn đề thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển theo Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo tại khu vực biển thực hiện dự án.

1.1.4. Mâu thuẫn tại khu vực biển Bãi Tràm:

a) Hiện trạng và quy hoạch:

- Hiện trạng: Bãi Tràm là bãi biển thuộc thôn Hòa Thạnh, xã Xuân Cảnh. Với chiều dài khoảng 80m, phía biển là hệ sinh thái rạn san hô, được bao bọc bởi 02 gành đá nhô ra biển.

- Quy hoạch: Bãi Tràm nằm trong khu vực quy hoạch phát triển du lịch.

- Sử dụng: Từ năm 2007, Bãi Tràm đã được cấp cho Công ty TNHH BaiTram Estates triển khai dự án Khu du lịch BaiTram Highway với tổng diện tích khoảng 100ha đất và 24ha mặt biển (diện tích có sự thay đổi qua các giai đoạn). Hiện nay, khu du lịch này đang tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển dự án theo thiết kế đã được duyệt.

b) Các điểm mâu thuẫn:

i) Nhóm mâu thuẫn hiện tại:

\* Mâu thuẫn về tranh chấp không gian giữa dự án du lịch và người dân:

- Việc triển khai dự án khu du lịch Bãi Tràm là một chủ trương đúng đắn nhằm tạo các điểm nhấn, hút khách du lịch trong và ngoài nước đến Phú Yên. Tuy nhiên, từ khi dự án đi vào hoạt động đến nay đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa doanh nghiệp và người dân trong việc sử dụng không gian biển.

- Khu du lịch Bãi Tràm là khu du lịch biển cao cấp, với đối tượng khách chính là người nước ngoài. Vì vậy, theo yêu cầu của dự án, nơi đây cần sự riêng tư, tránh tác động đến các hoạt động dân sinh. Tuy nhiên, về phía người dân, khu vực này gắn với sinh kế lâu đời, trong đó nhiều hộ dân sống phụ thuộc chính vào khu vực biển này, bao gồm các hoạt động chính: Khai thác tôm hùm giống, neo đậu tàu thuyền và tắm biển. Do đó, khi dự án đi vào hoạt động đã tác động lớn đến sinh kế của người dân. Vấn đề này, nhiều năm nay chính quyền địa phương và các sở, ngành đã nhiều lần giải quyết, đến thời điểm hiện nay đã cơ bản ổn định, cụ thể: Công ty hỗ trợ kinh phí chuyển đổi nghề nghiệp cho ngư dân, tổ chức các lớp đào tạo về du lịch để làm việc tại công ty, hỗ trợ kinh phí để bố trí khu neo đậu tàu thuyền mới, người dân được khai thác tôm hùm vào thời gian và theo địa điểm đã được thỏa thuận.

\* Mâu thuẫn giữa hoạt động dân sinh và điều kiện tự nhiên: Các hoạt động của người dân như neo đậu tàu thuyền, khai thác thủy sản và đánh bắt tôm hùm giống đã và đang tác động xấu đến các hệ sinh thái rạn san hô.

ii) Phân tích điều kiện tương lai: Hiện nay, thị xã Sông Cầu đang tích cực triển khai các hoạt động để sớm bố trí khu neo đậu tàu thuyền cho người dân, nhằm giải quyết hài hòa lợi ích giữa các bên.

c) Định hướng giải quyết: Để sớm giải quyết các vấn đề mâu thuẫn nêu trên, đơn vị tư vấn và Tổ ISP đề xuất các hướng giải quyết như sau:

- UBND thị xã Sông Cầu khẩn trương bố trí khu neo đậu tàu thuyền theo quy hoạch được duyệt, giải quyết nhu cầu cấp thiết cho người dân. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty cũng như người dân theo đúng các cam kết và các quy định pháp luật có liên quan nhằm hạn chế tối đa các khiếu kiện, xung đột giữa hai bên.

- Công ty TNHH BaiTram: Thực hiện đúng các cam kết dự án, sử dụng đúng khu vực biển được cấp, bảo vệ môi trường sinh thái cảnh quan trong khu vực dự án và thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định pháp luật và theo các cam kết đã ký nhằm hỗ trợ sinh kế cho người dân; xây dựng mối quan hệ đồng thuận với người dân.

- Ngư dân thôn Hòa Thạnh và Hòa Lợi xã Xuân Cảnh: Thực hiện đúng các quy định pháp luật về khai thác thủy sản, đúng các cam kết đã ký với Công ty về thời gian, địa điểm khai thác thủy sản. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình sử dụng, khai thác biển; xây dựng mối quan hệ đồng thuận với Công ty.

#### 1.1.5. Mâu thuẫn tại khu vực biển Vịnh Hòa:

##### a) Hiện trạng và quy hoạch:

- Hiện trạng: Khu vực này có bờ biển dài khoảng 07km, kéo dài từ gành đá (Mũi Ông Diên) thuộc thôn Vịnh Hòa-xã Xuân Thịnh ở phía Bắc đến gành đá thuộc thôn Từ Nham-xã Xuân Thịnh. Bãi biển này hình vòng cung, kín gió, đặc biệt là tại khu vực phía Bắc.

- Quy hoạch: Vùng biển phía Bắc thuộc thôn Vịnh Hòa có bãi biển đẹp, sóng êm, kín gió, là một trong những địa điểm thu hút đông khách du lịch, được quy hoạch để phát triển du lịch.

- Sử dụng: Hiện có nhiều hoạt động trong vùng biển này, cụ thể như sau:

+ Nuôi trồng thủy sản: Hoạt động nuôi tôm hùm lồng bè đang diễn ra tại phía Bắc của Bãi (giáp với gành đá-Mũi Ông Diên).

+ Khai thác tôm hùm giống: Hoạt động khai thác tôm hùm giống cơ bản trải dài trên cả vùng biển, nhưng tập trung chủ yếu tại 02 đầu gành, nơi có hệ sinh thái san hô phát triển.

+ Hoạt động du lịch: Cũng tại khu vực phía Bắc, có 02 Khu du lịch đang có hoạt động kinh doanh đó là: Khu du lịch bãi tắm Vịnh Hòa và khu du lịch Bãi Dương, Vịnh Hòa.

##### b) Các điểm mâu thuẫn:

###### i) Điều kiện hiện tại:

- Chồng lấn không gian giữa các hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản, neo đậu tàu thuyền và kinh doanh du lịch: Những hoạt động ở đây chủ yếu là tự phát, tận dụng lợi thế từ thiên nhiên, chưa đi vào nề nếp, quy hoạch nên không gian các hoạt động không được bố trí, sắp xếp hợp lý.

- Mâu thuẫn giữa các hoạt động dân sinh và môi trường tự nhiên: Cũng tại khu vực phía Bắc, nhiều hoạt động dân sinh vừa nêu trên đã tác động rất xấu đến môi trường sinh thái và cảnh quan khu vực này.

###### ii) Phân tích điều kiện tương lai:

- Về hoạt động du lịch: Hiện nay, khu du lịch Vịnh Hòa đang trong quá trình xin nâng cấp quy mô hoạt động từ kinh doanh hộ gia đình lên Công ty TNHH. Do vậy trong thời gian đến khu vực này sẽ có đông khách du lịch đến, theo đó hoạt động du lịch cũng diễn ra nhiều hơn.

- Về hoạt động nuôi trồng thủy sản, khai thác tôm hùm và neo đậu tàu thuyền: Đây là các hoạt động gắn liền với đời sống người dân. Tuy nhiên, nếu các cơ quan, chính quyền địa phương không kịp thời xử lý, sắp xếp lại không gian sử dụng thì hoạt động này sẽ diễn ra ngày càng mạnh hơn, theo đó các dạng mâu thuẫn cũng có chiều hướng tăng lên.

c) Định hướng giải quyết:

Đối với các dạng mâu thuẫn tại khu vực này, nhóm tư vấn và Tổ ISP đề xuất hướng giải quyết như sau:

- UBND thị xã Sông Cầu phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan liên quan: Căn cứ quy hoạch nuôi trồng thủy sản, quy hoạch hậu cần nghề cá tiến hành sắp xếp, bố trí không gian hợp lý đối với các hoạt động dân sinh trong khu vực này trên cơ sở giải quyết hài hòa sinh kế người dân và bảo vệ tài nguyên và môi trường. Đối với các hoạt động kinh doanh du lịch: Tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra kiểm soát hoạt động kinh doanh du lịch phải đảm bảo môi trường và đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển, nghiêm cấm việc rào chắn, ngăn cản hoạt động tắm biển của người dân.

- Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan: Tham mưu UBND tỉnh thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tại khu vực biển này.

1.1.6. Mâu thuẫn tại khưc biển Khu dân cư Từ Nham (bãi Từ Nham sau):

a) Hiện trạng và quy hoạch:

- Hiện trạng: Bãi Từ Nham sau thuộc thôn Từ Nham, xã Xuân Thịnh, có chiều dài khoảng 1,5km (giáp với bãi Vĩnh Hòa-Từ Nham về phía Nam, được ngăn cách bởi ngọn núi ăn sâu ra biển); có hệ sinh thái rạn san hô.

- Quy hoạch: Không nằm trong quy hoạch phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản.

- Sử dụng: Khu vực này đang diễn ra một số hoạt động sau: Khai thác tôm hùm giống, nuôi trồng thủy sản (tôm hùm), neo đậu tàu thuyền, tắm biển và kinh doanh du lịch (quy mô hộ gia đình).

b) Các điểm mâu thuẫn:

Các điểm mâu thuẫn này cũng cơ bản giống với khu vực Vịnh Hòa-Từ Nham. Tuy nhiên, các hoạt động ở đây quy mô nhỏ hơn. Điều đặc biệt tại khu vực này là “Ô nhiễm môi trường nghiêm trọng”, các hoạt động quản lý, kiểm soát môi trường của chính quyền cấp thôn, xã rất lỏng lẻo, người dân không có ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường. Tại thời điểm Tổ tư vấn khảo sát thực địa, khu vực này là một bãi chứa rác, phía biển ngập các chất thải, tảo phát triển làm cho nước chuyển sang màu xanh lục....Đây là một trong các bãi biển ô nhiễm nhất tại thị xã Sông Cầu.

c) Định hướng giải quyết:

Với vấn đề nêu trên, đơn vị tư vấn và Tổ ISP kiến nghị: UBND thị xã Sông Cầu khẩn trương chỉ đạo chính quyền thôn, xã tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; sớm bố trí bãi chứa rác, các phương tiện chứa, vận chuyển rác cho người dân trong khu vực; sớm cải tạo, phục hồi môi trường biển khu vực này. Các vấn đề khác tương tự như kiến nghị giải quyết như khu vực biển Vịnh Hòa-Từ Nham.

1.1.7. Mâu thuẫn tại khu vực biển Bãi Ôm:

a) Hiện trạng và quy hoạch:

- Hiện trạng: Khu vực Bãi Ôm là một vùng biển đẹp có vị trí tại thôn Dân Phú 2, xã Xuân Phương, bao gồm 02 bãi biển: Bãi Rạng ở phía Bắc với chiều dài bãi biển

khoảng 330m, Bãi Ôm ở phía Nam với chiều dài bãi biển khoảng 430m. Điểm nổi bật nhất vùng biển này là có hai bãi biển nằm kế nhau ngăn cách bởi 01 gành đá, biển rất kín gió và có hệ sinh thái rạn san hô rất phát triển. Được đánh giá là một trong những khu vực biển đẹp nhất tỉnh Phú Yên.

- Quy hoạch: Khu vực Bãi Ôm nằm trong khu vực quy hoạch du lịch của tỉnh. Hiện nay, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho Công ty TNHH Xuân Phú thực hiện dự án khu du lịch Bãi Ôm, với tổng diện tích khoảng 20ha trong đó khoảng 18ha đất liền là 02ha mặt biển.

- Sử dụng: Các hoạt động dân sinh tại đây bao gồm: Tắm biển, sinh hoạt, vui chơi giải trí của dân cư địa phương, neo đậu tàu thuyền và khai thác tôm hùm giống.

b) Các điểm mâu thuẫn:

i) Điều kiện hiện tại: Điểm mâu thuẫn hiện tại duy nhất là những tác động xấu từ các hoạt động dân sinh đến môi trường sinh thái. Nước mưa kéo theo chất thải từ bãi rác ngay bờ biển làm cho môi trường nước bị ô nhiễm; các hoạt động lặn biển, khai thác thủy sản, đánh bắt tôm hùm, neo đậu tàu thuyền làm ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng và phát triển của rạn san hô.

ii) Phân tích điều kiện tương lai: Hiện nay, nhà đầu tư đang khẩn trương hoàn thiện các thủ tục liên quan để sớm triển khai dự án. Khi dự án đi vào giai đoạn thi công và hoạt động sẽ dẫn đến những vấn đề sau:

\* Giai đoạn thi công dự án: Chất thải từ các hoạt động thi công sẽ tác động xấu đến môi trường sinh thái.

\* Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Mâu thuẫn trong sử dụng không gian:

+ Theo thiết kế đề xuất của Công ty, Khu du lịch Bãi Ôm là một dự án du lịch cao cấp, đòi hỏi sự riêng tư, không gian yên tĩnh, tránh các tác động từ các hoạt động dân sinh. Do đó, Công ty đề nghị giao hết khu vực biển Bãi Ôm để thực hiện dự án.

+ Về phía người dân: Bãi biển này gần như là duy nhất để người dân tiếp cận với biển nhằm mục đích tắm biển, neo đậu tàu. Đây là hoạt động đã gắn bó lâu đời với người dân. Người dân mặc dù rất ủng hộ chủ trương dự án nhưng cũng đòi hỏi phải bố trí không gian công cộng để phục vụ các hoạt động thiết yếu của người dân.

- Mâu thuẫn từ các hoạt động du lịch đối với môi trường sinh thái: Chất thải từ các hoạt động du lịch sẽ tác động xấu đến môi trường sinh thái.

c) Định hướng giải quyết:

\* Giai đoạn dự án thi công: Chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động phát sinh chất thải trong quá trình thi công dự án theo đúng hồ sơ đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

\* Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Nhận định được vấn đề mâu thuẫn nêu trên, tháng 11/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND thị xã Sông Cầu làm việc với Công ty về kiến nghị của người dân về bố trí không gian công cộng. Tuy nhiên, theo ý kiến của Công ty: Đây là dự án cao cấp nên không thể bố trí không gian công cộng

liên kết với khu du lịch. Đối với vấn đề này, đơn vị tư vấn đề xuất hướng giải quyết như sau:

- Bãi Ôm là một địa điểm du lịch độc đáo, có tiềm năng lớn để phát triển khu nghỉ dưỡng cao cấp và đã được quy hoạch phát triển du lịch. Việc triển khai thành công dự án khu du lịch này sẽ là điểm nhấn lớn cho du lịch tỉnh Phú Yên nói chung và thị xã Sông Cầu nói riêng, do vậy cần thiết phải tạo điều kiện tối đa để dự án sớm triển khai thực hiện. Về nhu cầu của người dân: Tiếp cận biển (nhu cầu tắm biển) là nhu cầu chính đáng của người dân, nơi mà biển đã gắn bó lâu đời với họ. Do vậy để giải quyết hài hòa xung đột này, đơn vị tư vấn kiến nghị:

+ Phương án 1: UBND thị xã Sông Cầu tiếp tục làm việc với Công ty TNHH Xuân Phú về kiến nghị của người dân. Trong trường hợp không thỏa thuận được với Công ty thì cần nghiên cứu, bố trí không gian công cộng tại khu vực khác để đảm bảo nhu cầu của người dân.

+ Phương án 2: Rà soát lại vùng nuôi thủy sản tại khu vực cửa vịnh Xuân Đài (khu vực biển này thuộc thôn Dân Phú 2, gần với Bãi Ôm). Nếu không thuộc vùng nuôi thủy sản thì kiên quyết xử lý dứt điểm, sau đó cải tạo lại môi trường nước, sắp xếp không gian để bố trí khu vực tắm biển cho người dân. Trong trường hợp khu vực này vẫn thuộc khu vực nuôi trồng thủy sản thì cần tính toán lợi ích lâu dài và bền vững giữa phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản để chọn phương án xử lý tiếp theo. Có thể xem xét phương án đưa ra khỏi quy hoạch nuôi trồng thủy sản khu vực cửa Vịnh Xuân Đài, cải tạo môi trường phục vụ hoạt động tắm biển, vui chơi của người dân nhằm tạo điểm riêng biệt để phát triển du lịch Bãi Ôm.

#### 1.1.8. Các vấn đề mâu thuẫn tại vịnh Xuân Đài và đầm Cù Mông:

Vịnh Xuân Đài và đầm Cù Mông không thuộc phạm vi nghiên cứu của quy hoạch này, tuy nhiên để nội dung được hoàn chỉnh, đơn vị tư vấn và Tổ ISP nêu một số vấn đề như sau:

##### a) Hiện trạng và quy hoạch:

- Vịnh Xuân Đài có diện tích khoảng 13.000ha và đầm Cù Mông khoảng 2.600ha là 02 trung tâm nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn của tỉnh. Ngoài nuôi trồng thủy sản, vịnh Xuân Đài còn có nhiều bãi tắm, vũng đẹp có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái.

##### - Quy hoạch:

+ Quy hoạch nuôi trồng thủy sản: Với lợi thế tự nhiên, 02 khu vực này là không gian quy hoạch nuôi trồng thủy sản đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh, với diện tích quy hoạch: Đầm Cù Mông (các xã: Xuân Lộc, Xuân Bình, Xuân Hải, Xuân Hòa, Xuân Cảnh) là 445ha và vịnh Xuân Đài (các phường: Xuân Thịnh, Xuân Phương, Xuân Yên, Xuân Thành, Xuân Đài) là 155ha.

+ Quy hoạch phát triển du lịch: Trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 201/QĐ-TTg đã xác định: Vịnh Xuân Đài là một trong những địa điểm tiềm năng trở thành khu du lịch quốc gia, phát triển khu du lịch vịnh Xuân Đài sẽ góp phần tăng cường thu hút khách du

lich đến với Phú Yên và các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, với sự nghiệp phát triển du lịch quốc gia. Với ý nghĩa đó, hiện nay Tổng cục Du lịch đang thực hiện lập quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia vịnh Xuân Đài đến năm 2030.

+ Quy hoạch công nghiệp điện: Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang có nhiều dự án nghiên cứu đầu tư trong lĩnh vực điện gió, điện năng lượng mặt trời tại các xã ven biển. Trong đó có dự án điện mặt trời với công suất 300MW tại đầm Cù Mông. Dự án này đã được UBND tỉnh cho phép nhà đầu tư lập hồ sơ bổ sung vào quy hoạch điện lực quốc gia. Dự án Nhà máy điện gió và điện mặt trời xanh Sông Cầu vào quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030 (quy hoạch điện VII điều chỉnh).

- Sử dụng không gian biển: Hoạt động chính tại 02 khu vực này là nuôi trồng và khai thác thủy sản, ngoài ra còn có một vài hoạt động du lịch nhưng không đáng kể.

b) Các điểm mâu thuẫn:

i) Điều kiện hiện tại:

\* Mâu thuẫn không gian giữa các hộ dân nuôi trồng thủy sản:

Việc nuôi trồng thủy sản với mật độ dày, vượt phạm vi quy hoạch và số lượng lồng/ao nuôi cho phép, việc giao mặt nước chưa được thực hiện đồng bộ, việc di chuyển các lồng tôm hùm trong mùa mưa bão... đã dẫn đến những tranh chấp về không gian giữa các hộ nuôi.

\* Mâu thuẫn giữa hoạt động nuôi trồng và môi trường tự nhiên:

- Chất thải từ quá trình nuôi trồng thủy sản đang là thách thức rất lớn đối với môi trường. Những lớp bùn thải và lượng thức ăn dư thừa tích tụ qua thời gian dài lắng dưới nền đáy tại các đầm, vịnh-khu vực có nuôi trồng thủy sản làm cho môi trường bị ô nhiễm nặng, là một trong số nguyên nhân chính gây ra dịch bệnh cho đối tượng nuôi.

Bên cạnh đó, việc nuôi thủy sản lồng bè đòi hỏi một lượng thức ăn tươi rất lớn. Vì vậy, nghề này cũng chính là một trong những nguyên nhân chính gây ra tình trạng suy giảm đa dạng sinh học, đặc biệt là nguồn lợi ven bờ.

ii) Điều kiện tương lai:

\* Về vấn đề nuôi trồng thủy sản: Với mật độ nuôi dày và phương pháp quản lý, kiểm soát chưa chặt chẽ như hiện nay, nhiều vấn đề bất cập có thể tiếp tục diễn ra trong thời gian đến. Trong đó có 02 nhóm mâu thuẫn chủ yếu là: Mâu thuẫn không gian giữa các hộ dân nuôi trồng thủy sản và mâu thuẫn giữa hoạt động nuôi trồng và môi trường tự nhiên.

\* Về khả năng tranh chấp không gian giữa dự án điện mặt trời và nghề nuôi trồng thủy sản: Nếu dự án mang tính khả thi và được các cấp, ngành cho triển khai thực hiện thì có nguy cơ xảy ra vấn đề xung đột. Tuy nhiên, hiện nay chưa có bất kỳ một số liệu nào về dự án (địa điểm chính xác, phạm vi không gian sử dụng, các vấn đề về môi trường...) nên chưa đủ điều kiện để đánh giá mức độ mâu thuẫn này.

c) Định hướng giải quyết:

Với nhóm mâu thuẫn này, đơn vị tư vấn và Tổ ISP đề xuất hướng giải quyết như sau:

- Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh tăng cường công tác chỉ đạo về nuôi trồng thủy sản tại các địa phương ven biển đúng theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn vùng ven biển tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- UBND thị xã Sông Cầu tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc nuôi trồng thủy sản theo quy định. Kiên quyết xử lý các tình trạng nuôi trái phép, nuôi không đúng quy hoạch, không đúng vị trí và làm ảnh hưởng đến môi trường.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, đánh giá sức chịu tải về môi trường tại các đầm, vịnh ven biển của tỉnh, nhằm tham mưu, đề xuất các hướng bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển bền vững.

- Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan và các Viện nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nuôi trồng thủy sản bền vững trong đó cần lưu ý: (1) Tạo nguồn thức ăn công nghiệp thay thế nguồn thức ăn tươi từ khai thác thủy sản; (2) Nghiên cứu giải pháp nuôi lồng, bè tại vùng lộng theo công nghệ cao, tiến tới việc giảm mạnh việc nuôi trồng thủy sản trong đầm, vịnh. Thay thế, chuyển đổi dần từ nuôi trồng thủy sản sang du lịch sinh thái biển đảo.

1.1.9. Mâu thuẫn tại vùng biển xã Xuân Hải-Xuân Hòa:

Đây là khu vực bãi ngang, với bờ biển trải dài qua 02 xã: Xuân Hải và Xuân Hòa. Trong đó khu vực cần quan tâm nhất là khu vực biển tiếp nhận nguồn thải của Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu và một số nhà máy/cơ sở sản xuất khác nằm ngoài khu công nghiệp. Ngoài ra, hiện nay Công ty TNHH Năng lượng Xanh đang trong quá trình nghiên cứu và xin các thủ tục pháp lý để triển khai dự án Điện mặt trời và điện gió với tổng công suất 300MW, dự án đang được đề xuất triển khai tại xã Xuân Hải và Xuân Hòa với tổng chiều dài khuôn viên dự án hơn 02km. Dự án này cũng đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào quy hoạch điện lực quốc gia. Do vậy, hiện tại và trong tương lai có thể xảy ra một số vấn đề như sau:

a) Điều kiện hiện tại:

Vấn đề cần quan tâm nhất hiện nay là nước thải. Mặc dù các số liệu quan trắc cho thấy chất lượng nước thải đều đạt chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng: Ban quản lý khu công nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Sông Cầu, UBND xã Xuân Hải và chính các Công ty, nhà máy nằm trong và ngoài khu công nghiệp phải luôn thường xuyên theo dõi, giám sát để luôn đảm bảo được môi trường được bảo vệ.

b) Trong điều kiện tương lai:

Có 02 vấn đề cần quan tâm:

- Thứ nhất: Vẫn là vấn đề môi trường, đây là công việc lâu dài.

- Thứ hai: Có khả năng xảy ra tranh chấp không gian giữa các ngành, các dự án và với người dân khi dự án điện mặt trời và điện gió đi vào hoạt động. Tuy nhiên,

cũng như dự án tại đầm Cù Mông, hiện nay do chưa có số liệu nên chưa đủ cơ sở để đánh giá các vấn đề mâu thuẫn này một cách chi tiết.

## **1.2. Vùng biển thành phố Tuy Hòa:**

### **1.2.1. Hiện trạng và quy hoạch:**

Thành phố Tuy Hòa có đường bờ biển khoảng 14,8km, phía Bắc giáp xã An Chân-huyện Tuy An, phía Nam giáp xã Hòa Hiệp Bắc-huyện Đông Hòa, đi qua các xã An Phú, Bình Kiến và các Phường: 9,7,6, Phú Đông, Phú Thạnh.

Biển Tuy Hòa là một bãi biển trải dài, phía trong là các khu đô thị và rừng dương, là động lực phát triển kinh tế của tỉnh. Không quy hoạch và không có các hoạt động nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là các hoạt động kinh doanh du lịch. Hoạt động chủ yếu hiện nay là tắm biển của du khách và người dân địa phương nên chưa phát sinh mâu thuẫn lớn. Tuy nhiên, trong thời gian đến, khi các dự án du lịch đi vào giai đoạn hoạt động thì cũng chứa đựng nhiều vấn đề cần lưu ý.

### **1.2.2. Các vấn đề mâu thuẫn:**

*Từ các hoạt động dân sinh và các dự án du lịch:*

Thành phố Tuy Hòa là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của tỉnh, do vậy có rất nhiều hoạt động diễn ra trong không gian này. Hàng ngày, khách du lịch và người dân địa phương thường xuyên có nhiều hoạt động tham quan, tắm biển tại đây. Theo đó, những áp lực đến môi trường tại khu vực này ngày càng nhiều hơn.

Về các dự án du lịch: Từ ngã tư đường Trần Phú và Lê Duẩn kéo dài về phía Bắc đến hết địa phận thành phố Tuy Hòa về cơ bản đã lấp đầy các dự án du lịch, trong đó có hai dự án khu du lịch cao cấp có quy mô lớn đang được triển khai xây là dự án khu du lịch cao cấp Newcity và dự án khu du lịch biển cao cấp Sunrise. Theo đó, khi các dự án này đi vào hoạt động thì phần lớn không gian biển đều nằm trong phạm vi dự án. Từ đó có thể sẽ dẫn đến 03 vấn đề:

- Vấn đề tiếp cận biển của người dân.
- Các vấn đề về an ninh quốc phòng.
- Vấn đề ô nhiễm môi trường.

### **1.2.3. Định hướng giải quyết:**

Với những đặc điểm tự nhiên và quy hoạch phát triển của vùng biển Tuy Hòa, đơn vị tư vấn, Tổ ISP đề xuất một số vấn đề như sau:

- Vấn đề quốc phòng an ninh và quyền tiếp cận biển của người dân: Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu, thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh theo quy định của Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo. Theo đó, các vấn đề về quyền tiếp cận biển của người dân, bảo vệ môi trường sinh thái và các vấn đề về quốc phòng an ninh sẽ được nghiên cứu và quy định rõ sau khi nhiệm vụ này kết thúc. Trước mắt, để kịp thời giải quyết, hỗ trợ các thủ tục pháp lý để triển khai các dự án nêu trên, trong thời gian qua, Sở Tài nguyên và Môi trường đã kịp thời phối hợp với các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương tham mưu UBND tỉnh các vấn đề liên quan đến việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tại khu vực 02 dự án: Newcity và Sunrise.

Theo Thông báo của UBND tỉnh, mặc dù tại khu vực 02 dự án không thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, nhưng tính từ mức triều cao trung bình nhiều năm về phía đất liền 50m, không cho phép các chủ đầu tư xây dựng các công trình, đồng thời trong giới hạn không gian này, chỉ giao một phần diện tích thiết yếu để phục vụ dự án, phần còn lại sẽ không giao cho nhà đầu tư để đảm bảo quyền tiếp cận biển của người dân và phục vụ cho các yêu cầu về quốc phòng. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan rà soát, thẩm định các vấn đề về quy hoạch xây dựng, trong đó khi thỏa thuận các thông số quy hoạch, ranh giới xây dựng và giao đất cần đảm bảo tạo khoảng cách an toàn giữa các dự án liền kề theo quy định của Bộ Quốc phòng và Quân khu V.

- Vấn đề bảo vệ môi trường: Môi trường biển đã đang và tiếp tục sẽ là vấn đề nóng trong thời gian đến khi các dự án du lịch hoạt động. Trong thời gian qua, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Tuy Hòa đã triển khai nhiều hoạt động tăng cường quản lý và kiểm soát môi trường khu vực bờ biển thành phố Tuy Hòa, bước đầu đã mang lại nhiều kết quả khả quan. Tuy nhiên, trong thời gian đến, khi lượng khách du lịch đến thành phố Tuy Hòa ngày càng đông và các dự án du lịch đi vào hoạt động thì áp lực lên môi trường là rất lớn. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan cần tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát nhằm giữ gìn và bảo vệ môi trường khu vực này.

#### 1.2.4. Đối với các vấn đề tại cửa Đà Diễn và vùng phụ cận:

a) Hiện trạng: Đà Diễn là cửa sông lớn nhất của khu vực ven biển Nam Trung Bộ và có diễn biến dòng chảy rất phức tạp, đoạn từ cầu Đà Rằng (QL 1A) đến cửa biển bị sạt lở nghiêm trọng và đã được xây kè bảo vệ, khu vực bờ phía Nam (xóm Rớ) bị sạt lở nghiêm trọng cũng đã được xây kè bảo vệ. Vấn đề lớn nhất hiện nay là bồi lấp cửa sông và khu vực phía trong cửa gây ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động tàu thuyền của người dân.

#### b) Nguyên nhân:

- Qua các nghiên cứu và phân tích, đánh giá nguyên nhân diễn biến cửa Đà Diễn thì nguyên nhân chủ yếu là các yếu tố ngoại sinh, trong đó bao gồm gió gián tiếp gây xói lở-bồi lấp qua việc tạo ra sóng và dòng chảy, đặc biệt là gió trong bão; thủy triều và dòng triều, dòng ven bờ là nguyên nhân vận chuyển bùn cát dọc bờ tới cửa sông; nguồn gốc bùn cát vùng cửa Đà Diễn gồm từ thượng nguồn sông Ba đóng vai trò chính hình thành các bãi bồi, đảo chắn vùng cửa sông, bùn cát từ biển mang vào khu bờ dưới tác động của sóng và dòng triều cũng đóng góp vào diễn biến cửa Đà Diễn theo thời gian trong năm.

- Dòng chảy từ sông đóng vai trò chính để phân bố lại bùn cát từ sông ra cửa và tải bùn cát đã được sóng bứt ra khỏi bờ và đáy khu gần bờ, dòng dư (dòng từ sông đổ ra và dòng do sóng) tạo nên dòng chảy ven bờ tổng hợp vận chuyển bùn cát dọc bờ.

- Trên thực tế, đường bờ biển khu vực cửa Đà Diễn theo hướng NE-SW (Đông Bắc-Tây Nam) nên chủ yếu chịu tác động của sóng hướng N (Bắc), NE và E (Đông). Trong đó hướng sóng NE chiếm ưu thế hơn 02 hướng sóng N và E cả về độ cao lẫn

tần suất xuất hiện. Độ cao trung bình của sóng hướng N ở khu vực ven bờ là 1,4m, tương tự đối với sóng hướng NE là 1,5m và đối với sóng hướng E là 0,9m. Do hướng sóng NE gần như vuông góc với đường bờ nên vận chuyển bùn cát ngang bờ dưới tác động của hướng sóng này khá lớn. Đây là một trong những nguyên nhân chính gây biến động cửa Đà Diển.

- Một số yếu tố liên quan đến các hoạt động của con người như xây dựng các hồ chứa thủy lợi, thủy điện thượng lưu, các công trình trên sông, ven bờ cửa sông, các khu nuôi trồng thủy sản, du lịch vùng cửa sông, khai thác vật liệu,... cũng góp phần vào diễn biến phức tạp của cửa Đà Diển.

c) Đề xuất các giải pháp:

- Việc nạo vét, thông luồng như hiện nay chỉ là giải pháp tình thế tạm thời. Với tính chất phức tạp như cửa Đà Diển, cần có những nghiên cứu khoa học chuyên sâu mới có thể đưa ra những giải pháp hiệu quả. Thực tế, đã có một số công trình nghiên cứu về bồi lấp tại khu vực này, điển hình là công trình của PGS.TS Lê Đình Thành và cộng sự (2009, Trường Đại học Thủy lợi). Qua kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã đưa ra một số giải pháp công trình sau:

Từ các cơ sở khoa học và thực tiễn, nhằm ổn định lâu dài cửa Đà Diển trong điều kiện tự nhiên phức tạp và các hoạt động phát triển nhanh chóng kinh tế xã hội khu vực cửa sông, giải pháp công trình cứng phối hợp với các giải pháp phi công trình khác là hiệu quả nhất. Các nghiên cứu bước đầu đã đề xuất giải pháp công trình ổn định cửa Đà Diển, bao gồm:

(1) Xây dựng 02 đê ngăn bùn cát và giảm sóng với H1 và H2 ở phía Nam cửa chính Đà Diển. Hai đê này song song với nhau, khoảng cách là 500m và chiều dài như nhau là 900m. Một số thông số cơ bản của giải pháp 02 đê ngăn bùn cát như sau:

+ Góc đê ngăn bùn cát cắm sâu 200m vào phía đất liền để tránh hiện tượng cát góc; cao trình đỉnh đê +1,5m; mặt cắt ngang đê hình thang mái  $m=2$ .

+ Vật liệu lõi đê là đá hộc khai thác bằng nổ mìn chuyên tới công trình với các cấp phối khác nhau; lớp bảo vệ ngoài là khối Haro với kích thước khác nhau từ 3,1 đến 7,4 tấn và khối bê tông lục lăng 1,3 tấn.

Tổng kinh phí ước tính cho việc xây dựng hai đê ngăn bùn cát như đã đề xuất là khoảng 324 tỷ đồng.

(2) Cùng với xây dựng 02 đê ngăn bùn cát như trên, cần nạo vét khu vực luồng tàu. Theo các kết quả nghiên cứu và tính toán, lượng bùn cát bồi nằm trong luồng tàu khoảng 300.000 m<sup>3</sup>/năm và quy trình nạo vét là 02 lần với khối lượng 150.000 m<sup>3</sup>/lần để đảm bảo luồng cho tàu ra vào. Kinh phí ước tính nạo vét hàng năm khoảng 15,6 tỷ đồng.

- Hiện nay, Trường đại học Khoa học tự nhiên (Đại học Quốc gia Hà Nội) cũng đang trong quá trình thực hiện đề tài khoa học: “Nghiên cứu cơ sở khoa học để xác định cơ chế bồi lấp, sạt lở và đề xuất các giải pháp ổn định các cửa biển Đà Diển và Đà Nông phục vụ phát triển bền vững cơ sở hạ tầng và kinh tế xã hội”. Hy vọng rằng, qua việc nghiên cứu này sẽ giúp đưa ra bằng luận chứng khoa học để có những giải

pháp ổn định lâu dài cửa Đà Diển, giải quyết những khó khăn cho bà con ngư dân nơi đây.

### **1.3. Vùng biển huyện Đông Hòa:**

#### **1.3.1. Hiện trạng và quy hoạch:**

- Hiện trạng: Huyện Đông Hòa có đường bờ biển dài khoảng 49,5km, phía Bắc giáp thành phố Tuy Hòa, phía Nam giáp tỉnh Khánh Hòa tại cột mốc ranh giới trên đảo Hòn Nưa. Trên địa bàn huyện Đông Hòa có các bãi biển: Bãi biển Hòa Hiệp Bắc; bãi biển Hòa Hiệp Trung; bãi biển Hòa Hiệp Nam; bãi biển Bãi Góc-Suối Tiên, Bãi Môn-Mũi Điện, xã Hòa Tâm; bên cạnh đó, còn có một số bãi biển nhỏ trong vịnh Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam.

#### **- Quy hoạch:**

+ Nuôi trồng, khai thác thủy sản: Vùng biển huyện Đông Hòa phần lớn là bãi ngang, chịu tác động trực tiếp từ biển. Nuôi trồng thủy sản được quy hoạch chủ yếu là về phía đất liền tại khu vực hạ lưu sông Bàn Thạch và vùng nuôi tôm trên cát tại thôn Đa Ngư-xã Hòa Hiệp Nam. Về phía biển, không có các hoạt động nuôi trồng thủy sản chỉ duy nhất có vịnh Vũng Rô nằm ở cực Nam được quy hoạch là khu du lịch và cảng thương mại.

+ Cảng thương mại: Khu vực Bãi Góc xã Hòa Tâm đã được quy hoạch và cấp cho Công ty TNHH Dầu khí Vũng Rô để xây dựng cảng Bãi Góc thuộc dự án Nhà máy hóa lọc dầu Vũng Rô với diện tích mặt biển khoảng 1.370ha (dự án đã thu hồi vào tháng 11/2017).

+ Quy hoạch khu sản xuất giống thủy sản tại xã Hòa Hiệp Trung, cảng cá Phú Lạc, xã Hòa Hiệp Nam.

+ Vịnh Vũng Rô: Vũng Rô với diện tích khoảng 1.600ha (bao gồm cả đảo Hòn Nưa) được quy hoạch làm cảng tổng hợp và du lịch.

#### **- Sử dụng:**

+ Về phía biển hiện nay, hoạt động chính vẫn là khai thác thủy sản ven bờ. Về phía biển không có các hoạt động nuôi trồng, hoạt động du lịch cũng rất hạn chế. Tuy nhiên, khu vực này là nơi tiếp chất thải của 02 nguồn lớn đó là: Khu Công nghiệp Hòa Hiệp và vùng nuôi tôm trên cát tại các xã Hòa Hiệp Bắc, thị trấn Hòa Hiệp Trung và xã Hòa Tâm.

+ Trong vịnh Vũng Rô: Có các hoạt động chính như sau:

\* Nuôi trồng thủy sản: Mặc dù khu vực này không có quy hoạch nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên nghề này đã gắn liền với sinh kế lâu đời của người dân. Trước năm 2015, khu vực này có khoảng hơn 350 hộ gia đình, tổ chức có hoạt động nuôi trồng thủy sản tại đây. Sau quá trình vận động, khoảng 200 hộ đã tự giác chuyển đến vùng nuôi mới. Còn lại khoảng 140 hộ có hộ khẩu thường trú tại địa phương, do đã nuôi trồng từ trước năm 2005 (thời điểm công bố quy hoạch), bên cạnh đó, do trong thời

điểm hiện nay chưa có nhu cầu về không gian mặt nước để triển khai các dự án du lịch, nên UBND tỉnh đã đồng ý cho phép số hộ dân này, với 3.382 ô lồng/146 bè sẽ được chuyển đến vùng nuôi tạm thời từ bãi Bàng đến bãi Nhãn (thuộc vịnh Vũng Rô) để tiếp tục nuôi, mật độ lồng nuôi từ 30-60 lồng/ha. Thời gian nuôi từ năm 2016-2017 và yêu cầu thu hồi trong thời gian đến.

\* Hoạt động cảng biển tổng hợp của Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô và kho chứa xăng dầu của Công ty xăng dầu khí Phú Yên.

\* Các hoạt động du lịch: Có các hoạt động tham quan, giải trí trên vịnh và tại khu tưởng niệm Tàu không số Vũng Rô.

### 1.3.2. Các điểm mâu thuẫn:

#### a) Điều kiện hiện tại:

- Về phía biển: Phân tích hoạt động các ngành hiện tại cho thấy vấn đề cần lưu ý, hiện tại là việc xả thải từ khu công nghiệp, từ hoạt động nuôi tôm trên cát và hoạt động của cảng cá Phú Lạc. Tuy nhiên, theo kết quả quan trắc, các thông số môi trường cơ bản vẫn trong giới hạn cho phép, chưa có vấn đề lớn về môi trường biển.

- Tại Vịnh Vũng Rô: Trước đây, tại kho xăng dầu Vũng Rô đã từng xảy ra sự cố tràn dầu. Tuy nhiên, sau khi xây dựng và đưa vào quản lý kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, đồng thời ký kết với đơn vị ứng phó 24/24 nên đã hạn chế tối đa các nguy cơ về tràn dầu. Đối với hoạt động của cảng Vũng Rô: Trong quá trình xuất/nhập hàng hóa cũng có phát sinh chất thải, nước thải tuy nhiên không đáng ngại.

#### b) Điều kiện tương lai:

- Trong tương lai, vấn đề môi trường biển tiếp tục là vấn đề lớn cần lưu ý tại vùng biển huyện Đông Hòa.

+ Thứ nhất: Quy mô công nghiệp phát triển, lượng thải từ khu công nghiệp sẽ nhiều hơn.

+ Thứ hai: Việc tiếp tục xả thải trực tiếp từ hoạt động nuôi tôm trên cát.

+ Thứ ba: Nguy cơ ô nhiễm môi trường từ cảng Bãi Góc: Nếu dự án đi vào hoạt động như cam kết của nhà đầu tư, với công suất 08 triệu tấn/năm, khu vực này chứa đựng những nguy cơ rất lớn về ô nhiễm môi trường.

+ Thứ tư: Nguy cơ ô nhiễm môi trường từ cảng cá Phú Lạc.

+ Thứ năm: Nguy cơ từ ô nhiễm môi trường từ hoạt động của cảng Vũng Rô và Kho chứa xăng dầu Vũng Rô.

### 1.3.3. Định hướng giải quyết:

Với vấn đề nêu trên, đơn vị tư vấn, Tổ ISP đề xuất hướng giải quyết như sau:

- Vấn đề xả thải từ khu công nghiệp: Ban quản lý Khu kinh tế phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp, đảm bảo yêu cầu nước thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Vấn đề nuôi tôm trên cát: UBND huyện Đông Hòa rà soát, chấn chỉnh việc nuôi tôm trên cát theo đúng quy hoạch được duyệt. Đồng thời, nghiên cứu các biện pháp giảm thiểu tác hại môi trường từ việc nuôi tôm.

- Vấn đề kiểm soát môi trường tại Nhà máy hóa lọc dầu: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đông Hòa phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát, kiểm soát chặt chẽ công tác quản lý, bảo vệ môi trường Nhà máy hóa lọc dầu từ giai đoạn thi công đến khi đi vào hoạt động. Đồng thời, nghiên cứu, đề xuất các kịch bản ứng phó những tình huống, sự cố môi trường có thể xảy ra trong khu vực này.

+ Các vấn đề môi trường từ cảng Phú Lạc và cảng Vũng Rô: Các cơ quan chức năng thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường.

## **2. Nội dung định hướng quy hoạch-phân vùng không gian và Kế hoạch quản lý:**

Trên cơ sở phân tích những điều kiện tự nhiên-kinh tế xã hội, các định hướng, chiến lược phát triển kinh tế trong thời gian đến và hiện trạng các mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng không gian vùng biển ven bờ huyện Đông Hòa, thị xã Sông Cầu, thành phố Tuy Hòa, khu vực quy hoạch được chia thành 03 nhóm chính: (1) Nhóm vùng bảo tồn, bảo vệ và phục hồi; (2) Nhóm vùng đệm, sử dụng với cường độ thấp; (3) Nhóm vùng phát triển. Cụ thể:

### **2.1. Nhóm vùng bảo tồn, bảo vệ, phục hồi:**

#### **2.1.1. Vùng bảo tồn, phục hồi:**

Tiêu chí:

- Có sinh cảnh đặc thù, nguyên sơ và tính đa dạng sinh học cao.
- Có các hệ sinh thái hỗ trợ sự sống của các loài sinh vật đặc hữu, quý hiếm và bị đe dọa.

- Được xem là quan trọng đối với việc bảo tồn, bảo vệ và phục hồi các sinh cảnh, các loài sinh vật và các giá trị tự nhiên, văn hoá, lịch sử khác.

Chính sách quản lý:

- Bảo vệ và bảo tồn tính đa dạng sinh học và chất lượng các rạn san hô, thảm cỏ biển, thảm cỏ trong đầm phá, nguồn tài nguyên thủy sản đầm phá và các sinh cảnh, hệ sinh thái liên đới.

- Bảo vệ và bảo tồn các loài sinh vật đặc hữu, quý hiếm và đang bị đe dọa.

- Bảo vệ và bảo tồn các chức năng tự nhiên của vùng, nhạy cảm với tác động của con người và thiên tai.

- Bảo vệ và bảo tồn các vùng có giá trị cảnh quan tự nhiên.

Các vùng đề xuất: Tất cả các khu vực có các hệ sinh thái rạn san hô và thảm cỏ biển, bao gồm:

\* Đối với vùng phân bố rạn san hô:

- Thị xã Sông Cầu: Bãi Nồm-Bãi Vịnh Hoà (15,1ha); Từ Nham-Hòn Yến (66,1ha).

- Thành phố Tuy Hoà: Xung quanh đảo Hòn Dừa-xã An Phú (diện tích nhỏ).

- Huyện Đông Hoà: Xung quanh đảo Hòn Nưa-Hòa Xuân Nam (54,3ha).

\* Khu vực phân bố thảm cỏ biển trong đầm Cù Mông:

- Khu vực 1 (từ bờ Bắc của thôn Diêm Trường thuộc xã Xuân Lộc về đến thôn Tuyết Diêm, xã Xuân Bình), phân bố dọc theo bờ phía Tây của đầm với diện tích khoảng 64,9ha.

- Khu vực 2 (từ điểm giáp bờ Nam của thôn Tuyết Diêm, xã Xuân Bình đến bờ Bắc của thôn Hòa Mỹ thuộc xã Xuân Cảnh) với diện tích phân bố khoảng 27,9ha.

- Khu vực 3 (từ điểm giáp bờ Nam của thôn Hòa Mỹ đến cửa Cù Mông thuộc thôn Vịnh Hòa, xã Xuân Thịnh và thôn Hòa Lợi xã Xuân Cảnh): Đây là khu vực có diện tích phân bố lớn nhất so với khu vực khác trong đầm, tổng diện tích phân bố khoảng 133,2ha. Trong đó, từ bờ đầm thuộc thôn Vịnh Hòa, xã Xuân Thịnh cho đến cửa biển được xem là khu vực phân bố ưu thế và đồng nhất một loài cỏ lá dứa với diện tích khoảng 11ha.

\* Khu vực phân bố thảm cỏ biển trong vịnh Xuân Đài:

- Khu vực Cù Lao Ông Xá: Thảm cỏ biển có diện tích khoảng 05ha.

- Khu vực từ Long Hải Nam cho đến Long Hải Bắc: Diện tích phân bố khoảng 35,5ha.

- Khu vực Vũng Sứ-Vũng Chao: Diện tích phân bố khoảng 55,2ha.

- Khu vực Vũng Me-Vũng La: Đây được xem là khu vực với thành phần loài đa dạng nhất tại vịnh Xuân Đài với hơn 7 loài.

- Khu vực ven bờ tại Bãi Trước (Vịnh Hòa): Diện tích phân bố khoảng 20ha.

2.1.2. Vùng bảo vệ thủy sản:

a) Tiêu chí:

- Có tính đa dạng sinh học cao; là bãi đẻ hoặc có các hệ sinh thái hỗ trợ sự sinh trưởng, phát triển các loài thủy sản.

- Có ý nghĩa trong công tác bảo tồn, bảo vệ và phục hồi các sinh cảnh, các loài sinh vật và các giá trị tự nhiên, văn hoá, lịch sử khác.

b) Chính sách quản lý:

- Bảo vệ và bảo tồn các giống loài thủy sản tự nhiên.

- Bảo vệ các sinh cảnh của các loài thủy sản, trong đó có thảm cỏ biển, cây ngập nước và hệ sinh thái đáy.

- Bảo vệ chất lượng nước.

- Cho phép các cơ quan, tổ chức nghiên cứu tiếp cận với mục tiêu nghiên cứu khoa học, phục vụ công tác bảo vệ, bảo tồn.

- Cho phép một số hoạt động tham quan của du khách có kiểm soát nghiêm ngặt.

- Quản lý, bảo vệ, khai thác thủy sản dựa vào cộng đồng.

c) Khu vực đề xuất:

- Đầm Cù Mông, vịnh Xuân Đài, vịnh Vũng Rô.

- Khu vực có tôm hùm giống.

d) Hoạt động được phép:

- Quản lý, bảo tồn hệ sinh thái thảm cỏ biển, bảo vệ các loài động vật thủy sinh không hệ sinh thái; cho phép quy hoạch nuôi một số đặc sản: Sò huyết, hàu ở những nơi có điều kiện phù hợp.

- Cho phép các cơ quan, tổ chức nghiên cứu tiếp cận với mục tiêu nghiên cứu khoa học, trong các nỗ lực bảo tồn.

- Cho phép cộng đồng địa phương tiếp cận có kiểm soát với mục tiêu thương thức, thu giã và khai thác bằng các nghề thủ công truyền thống trong giới hạn cho phép (theo mùa vụ và địa điểm quy định), không gây hại đến các hệ sinh thái.

- Cho phép một số hoạt động tham quan của du khách có kiểm soát nghiêm ngặt.

e) Hoạt động không được phép:

- Lấp, đổ đất, đào xới và nạo vét trầm tích (trừ việc nạo vét thông luồng các cửa biển, cửa đầm).

- Đổ nước thải, rác thải chưa được xử lý.

- Đổ thải các hoá chất nguy hại.

- Khai thác khoáng sản.

g) Hoạt động có điều kiện:

Tham quan của du khách (có kiểm soát).

## **2.2. Nhóm vùng đệm, sử dụng với cường độ thấp:**

2.2.1. Vùng đệm của khu bảo tồn, bảo vệ, phục hồi:

a) Tiêu chí: Là khu vực mà các loại hình sử dụng bị hạn chế, kề với vùng bảo tồn, bảo vệ hoặc phục hồi, được thiết kế để củng cố và duy trì quá trình bảo tồn, bảo vệ. Vùng đệm có chức năng bảo vệ (cách ly, hạn chế) vùng bảo tồn khỏi những tác động tiêu cực do sự phát triển của các vùng lân cận, tại các vùng này, có thể có hoạt động sản xuất, cư trú, giải trí, nghỉ dưỡng cường độ thấp.

b) Chính sách quản lý:

- Bố trí các vùng đệm bao quanh vùng bảo tồn, vùng bảo vệ và vùng phục hồi để giảm đến mức thấp nhất tác động bất lợi của hoạt động phát triển xung quanh, đồng thời làm tăng tính ổn định và hiệu quả của việc bảo tồn, bảo vệ, phục hồi.

- Ngăn ngừa các hoạt động thiếu sự quản lý, trong khi vẫn cho phép một số loại hình sử dụng, tùy theo mức độ yêu cầu bảo tồn, bảo vệ và phục hồi.

c) Vùng đề xuất: Vùng đệm của các khu vực có phân bố san hô, cỏ biển, cá ngựa.

d) Hoạt động được phép:

- Bảo tồn các rạn san hô, cỏ biển và các tài nguyên thủy sinh liên quan.

- Bảo vệ chất lượng nước, trầm tích.

- Điều tra, khảo sát phục vụ nghiên cứu khoa học.

e) Hoạt động không được phép:

- Lấp, đổ, đào xới và nạo vét đất.

- Đổ thải các chất nạo vét.

- Xây dựng công trình gây ra những biến đổi về không gian.

- Đổ nước thải, rác thải chưa được xử lý.

- Đổ thải phân bón và các hoá chất nguy hại.

- Khai thác san hô và hải sản.

- Các hoạt động có khả năng gây suy thoái cảnh quan và chất lượng môi trường.

g) Hoạt động có điều kiện:

- Xây dựng và duy tu các công trình phục vụ một số hoạt động quản lý cần thiết, mà không thể xây ở ngoài vùng cần bảo tồn.

- Tham quan của du khách (có kiểm soát).

- Neo, đậu tàu thuyền (cách khu vực phân bố san hô, cỏ biển 50m).

#### 2.2.2. Vùng “vành đai biển”:

a) Tiêu chí: Vành đai biển hay còn gọi là hành lang bảo vệ bờ biển là dải đất ven biển tính từ mép nước triều cao trung bình nhiều năm về phía đất liền hoặc về phía trong đảo, được thiết lập ở những khu vực cần bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ; giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân ven biển. Việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển phải tuân thủ các nguyên tắc được quy định tại Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo Việt Nam.

#### b) Chính sách quản lý:

- Ngăn chặn sự phá hủy do xói lở, bồi lắng.

- Loại trừ hoặc tránh các tác động bất lợi do sự chuyển đổi sử dụng đất, làm thay đổi cấu trúc tự nhiên của bờ biển.

- Giảm đến mức thấp nhất tác động của sự phát triển từ phía đất liền, bảo vệ tính toàn vẹn của hệ thống bờ biển.

- Ngăn ngừa các hoạt động thiếu sự quản lý, có khả năng gây suy thoái cảnh quan, suy giảm chất lượng nước, trong khi vẫn đảm bảo hoạt động thương mại, du lịch và một số loại hình sử dụng tài nguyên mang tính truyền thống được quy định nghiêm ngặt như đánh cá thủ công của cộng đồng.

- Khuyến khích phát triển rừng phòng hộ.

c) Vùng đề xuất: Đối với vùng “Vành đai biển”, khu vực đề xuất chính là hành lang bảo vệ bờ biển sẽ được thiết lập tại tỉnh vào năm 2018 theo Luật Tài nguyên, môi trường biển và Hải đảo.

#### d) Các hoạt động bị nghiêm cấm:

- Khai thác khoáng sản, trừ trường hợp đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

- Xây dựng mới, mở rộng công trình xây dựng, trừ công trình phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa và các công trình xây dựng khác phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu bộ, cơ quan Trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên quyết định chủ trương đầu tư.

- Xây dựng mới nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải.

- Khoan, đào, đắp trong hành lang bảo vệ bờ biển, trừ hoạt động quy định tại Điều 25 của Luật Tài nguyên và môi trường biển và Hải đảo năm 2015.

- Lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ bờ biển.

- Hoạt động làm sạt lở bờ biển, suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

e) Các hoạt động bị hạn chế:

- Khai thác nước dưới đất.
- Khai hoang, lấn biển.
- Cải tạo công trình đã xây dựng.
- Thăm dò khoáng sản, dầu khí.
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ làm suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

### **2.3. Nhóm vùng phát triển:**

#### **2.3.1. Vùng phát triển du lịch:**

a) Tiêu chí:

- Vùng được quy hoạch và có tiềm năng phát triển du lịch.
- Vùng dành cho du lịch văn hoá, sinh thái và các hoạt động giải trí hoặc có các cơ hội, sự hấp dẫn đối với các hoạt động này, ví dụ các bãi biển, đảo, các vùng sinh thái cảnh quan.

- Giải quyết các điểm mâu thuẫn tại các vùng quy hoạch du lịch: (1) Mâu thuẫn tranh chấp không gian giữa các hoạt động kinh tế và (2) Mâu thuẫn giữa các hoạt động du lịch và môi trường sinh thái.

b) Chính sách quản lý:

- Tập trung phát triển du lịch đạt hiệu quả cao, phù hợp với đặc điểm và thế mạnh từng vùng, nhưng không vượt quá khả năng chịu tải tự nhiên của vùng.

- Bảo vệ, bảo tồn giá trị cảnh quan và sinh thái, chất lượng môi trường khu vực, điểm du lịch.

- Mở rộng cơ hội, quyền tiếp cận của cộng đồng.

c) Vùng đề xuất:

- Thị xã Sông Cầu: Các bãi biển gồm: Bãi Bàng, Bãi Bàu, Bãi Trùng Dương, Bãi Tràm, Bãi Nồm, Bãi Ôm, Bãi Chỏ, Bãi Vịnh Hòa-Từ Nham; các đảo ven bờ: Nhất Tự Sơn, Hòn Nần và khu vực vịnh Xuân Đài.

- Thành phố Tuy Hòa: Khu vực biển phục vụ các dự án du lịch từ Resort Thuận Thảo ra hết dự án Sao Mai xã An Phú (trừ các vị trí phục vụ quốc phòng an ninh).

- Huyện Đông Hòa: Bãi Môn-Mũi Điện, Bãi Dài, vịnh Vũng Rô. Các bãi tắm còn lại để phục vụ hoạt động tắm biển của người dân, không nên cấp cho các dự án du lịch.

d) Hoạt động được phép:

- Phát triển các tiện ích và dịch vụ du lịch, đáp ứng sự tăng trưởng của ngành công nghiệp du lịch, bảo đảm không vượt quá khả năng chịu tải tự nhiên môi trường.

- Các hoạt động nghỉ ngơi, giải trí không làm suy thoái cảnh quan, môi trường.

- Bảo tồn thiên nhiên và các giá trị văn hóa lịch sử.

e) Hoạt động không được phép:

- Xây dựng và hoạt động của các công trình công nghiệp.
- Xây dựng các ao hồ nuôi tôm cao triều.
- Khai thác khoáng sản, kể cả cát và sỏi.
- Khai thác bất hợp pháp tài nguyên nước ngầm.
- Khai thác bất hợp pháp các tài nguyên sinh vật.
- Đổ thải chất thải rắn và nước thải không đạt tiêu chuẩn vệ sinh.
- Xây dựng các nhà nghỉ và nhà hàng phục vụ du lịch không theo quy hoạch, không được kiểm soát.

- Các quy định khác nếu nằm trong khu vực hành lang bảo vệ bờ biển.

g) Hoạt động có điều kiện:

- San lấp, đào xới để phục vụ quá trình tạo cảnh quan hoặc tạo vùng đệm tự nhiên chống bão, lũ.

- Xây dựng đường vào, đường đi bộ và các tiện ích khác.

2.3.2. Vùng khai thác thủy sản ven bờ:

a) Tiêu chí: Vùng được bố trí ưu tiên cho mục đích đánh bắt cá, áp dụng các phương pháp khai thác bền vững.

b) Chính sách quản lý:

- Bảo vệ các nguồn lợi thủy, hải sản bằng việc cấm các hoạt động đánh bắt quá mức và mang tính hủy diệt, điều chỉnh việc sử dụng và tiếp cận đến các nguồn tài nguyên thủy sản, bảo vệ các bãi ương, bãi đẻ.

- Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đánh bắt mang tính thương mại, các hoạt động đánh bắt gần các vùng nước bảo tồn, vùng bên cảng và trên các tuyến giao thông biển.

c) Khu vực đề xuất: Các ngư trường hiện có của địa phương.

d) Hoạt động được phép:

- Đánh bắt ở các vùng đã được chỉ định vào mùa cho phép với công cụ đánh bắt thích hợp, được phép.

- Đánh bắt với quy mô nhỏ, thủ công bằng thuyền công suất nhỏ trong các vùng nước nông ven biển và vùng đệm của khu bảo tồn biển.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học, điều tra nguồn lợi thủy sản.

e) Hoạt động không được phép:

- Sử dụng các phương pháp, công cụ đánh bắt mang tính hủy diệt (lưới mắt nhỏ, thiết bị cào đáy, chất nổ, xy-a-nua và các chất gây độc khác).

- Đánh bắt các loài cá và loài hai mảnh vỏ bị đe dọa trong mùa sinh sản, đẻ trứng.

- Hạn chế nghề lưới kéo.

- Khai thác, huỷ hoại trái phép các rạn đá ngầm, rạn san hô và hệ sinh cảnh.

- Hạn chế neo thuyền trên các vùng san hô, khai thác rong mơ.

- Đánh bắt các loài cá và giáp xác còn nhỏ hoặc đang có trứng.

- Thải các chất thải ra biển.

- Đánh bắt các loài quý hiếm, bị đe dọa.

g) Hoạt động có điều kiện:

- Giao thông vận tải biển (theo tuyến, luồng).

- Neo đậu tàu thuyền.

2.3.3. Vùng phát triển cảng kết hợp với ngành công nghiệp đóng, sửa chữa tàu thuyền:

a) Tiêu chí: Cảng biển, bến tàu và các vùng nước sử dụng cho vận tải biển và các hoạt động thương mại, dịch vụ liên quan.

b) Chính sách quản lý:

- Duy trì sự cân bằng giữa nhiều hoạt động có liên quan đến các cảng biển và bến tàu, trong đó có vận tải thủy nội địa và vận tải biển, thương mại, ra vào của các tàu, thuyền đánh cá và giải trí.

- Tăng cường sử dụng không gian có hiệu quả; bảo vệ các đặc điểm cảnh quan, có giá trị đối với du lịch.

- Khuyến khích sự phát triển và hiện đại hoá cảng biển, có kế hoạch và phân định không gian hợp lý cho các hoạt động vận tải, thương mại, công nghiệp và kinh tế liên quan đến hoạt động cảng và giao thông vận tải biển.

- Xây dựng, hoàn thiện kế hoạch và phát triển các dịch vụ và trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu thích hợp để tránh và giảm các rủi ro tràn dầu.

- Xác định các giải pháp nạo vét, duy tu luồng tàu và vị trí đổ chất nạo vét phù hợp, tránh gây tác động bất lợi đến du lịch và bảo tồn vùng lân cận.

- Phân định tuyến, luồng ra vào, khu neo đậu cho các loại tàu và phương tiện đánh bắt hải sản khác nhau, nhằm làm giảm mâu thuẫn sử dụng vùng nước ra vào cảng biển và bến tàu.

c) Vùng đề xuất: Cảng Bãi Góc, cảng Vũng Rô, cảng Phú Lạc (huyện Đông Hòa), cảng Đông Tác (thành phố Tuy Hòa), cảng Dân Phước (thị xã Sông Cầu).

d) Hoạt động được phép:

- Cập bến, neo đậu, dịch vụ xếp-dỡ hàng hoá đối với tàu vận tải biển và các phương tiện đánh bắt hải sản.

- Xây dựng và duy tu các thiết bị, tiện ích cảng, bến và các luồng tàu.

- Triển khai các dịch vụ và tiện ích thích hợp trong quản lý chất thải.

- Hoạt động bảo vệ hoặc nâng cao chất lượng nước và cảnh quan, bảo tồn các giá trị tự nhiên, lịch sử.

- Phục vụ chuyên chở hành khách ở mức độ phù hợp.

- Các hoạt động khảo sát, nghiên cứu khoa học.

e) Hoạt động không được phép:

- Đánh bắt cá và nuôi trồng thủy sản.

- Du lịch, giải trí trên biển.

- Thải chất thải rắn, nước thải, nước dằn tàu và cặn dầu.

g) Hoạt động có điều kiện:

- Nạo vét trầm tích chống sa bồi.

- Thu gom, xử lý chất thải từ tàu (đáp ứng tiêu chuẩn môi trường).

- Tham quan giải trí trên bờ.

#### 2.3.4. Vùng nuôi trồng thủy sản ven bờ:

a) Tiêu chí: Vùng nuôi trồng thủy sản ven biển phải nằm trong khu vực quy hoạch nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn vùng ven biển tỉnh Phú Yên được phê duyệt tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh.

b) Chính sách quản lý:

- Phát triển các mô hình tổ đồng quản lý hoặc hợp tác xã nuôi trồng thủy sản (NTTS) để quản lý tốt quá trình NTTS bền vững ở địa phương theo quy hoạch.

- Quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm về quy trình cấp và thoát nước; xử lý chất thải, bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản; không được sử dụng hoá chất độc hại hoặc tích tụ độc hại, không để lây lan mầm bệnh từ khu vực này sang khu vực khác.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp điều kiện cơ sở hạ tầng vùng nuôi đáp ứng quy định về phát triển thủy sản bền vững VietGAP.

c) Vùng đề xuất: Theo quy hoạch được phê duyệt.

d) Hoạt động được phép:

- Bố trí tập trung hệ thống lồng, bè nuôi hợp lý, theo chuẩn mực nhất định của Bộ Nông nghiệp và PTNT giữ ổn định để không có tranh chấp, cản trở giao thông, mất cảnh quan môi trường biển.

- Tại mỗi vùng nuôi tập trung cần xây dựng sơ đồ hệ thống phao, dây, neo phân ô, phân luồng qui định vùng nuôi cho từng cơ sở nuôi để phân biệt với diện tích công cộng đảm bảo lưu thông cho các ngành kinh tế khác (du lịch, khai thác, vận tải, di chuyển kéo lồng bè NTTS).

- Nuôi trồng các đối tượng chủ lực tại địa phương, kết hợp nuôi tổng hợp đa đối tượng trên cùng một khu vực để phát huy hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích và bền vững với môi trường, giảm nguy cơ dịch bệnh.

- Đầu tư nghiên cứu các công nghệ nuôi sinh thái, nghiên cứu sản xuất giống các loài thủy đặc sản có giá trị để nâng cao giá trị sản xuất từ NTTS nước lợ, mặn.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường và phòng ngừa dịch bệnh.

e) Hoạt động không được phép:

- Nuôi trồng giống thủy sản mới khi chưa được cho phép và các loài thủy sản thuộc danh mục cấm nuôi trồng.

- NTTS không theo quy hoạch làm cản trở dòng chảy, cản trở hoạt động khai thác thủy sản, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các ngành, nghề khác.

- Sử dụng thuốc, phụ gia, hoá chất thuộc danh mục cấm sử dụng để nuôi trồng thủy sản.

- Thả thủy sản nuôi trồng bị nhiễm bệnh vào nơi nuôi trồng hoặc vào các vùng nước tự nhiên.

- Xả thải nước, chất thải từ khu NTTS mà chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn quy định vào môi trường xung quanh.

g) Hoạt động có điều kiện:

- Đánh bắt thủy sản ven bờ.
- Kết hợp du lịch, câu cá giải trí (có kiểm soát).

### **3. Hoạt động đề xuất trong thời gian đến:**

- Tổ chức thực hiện kế hoạch phân vùng không gian.
- Xây dựng và củng cố cơ chế điều phối đa ngành.
- Thiết lập cơ chế giám sát đa ngành.
- Xây dựng, hoàn thiện quy chế cưỡng chế, xử phạt, khiếu nại, khiếu tố phục vụ triển khai phân vùng.
- Xây dựng cơ chế tạo nguồn tài chính bền vững.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

#### **1. Sở Nông nghiệp và PTNT:**

- Công bố Kế hoạch quản lý không gian khu vực ven bờ được phê duyệt đến các sở, ngành, địa phương.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan trong việc quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Kế hoạch quản lý không gian ven bờ.

#### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Trên cơ sở Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu rà soát điều chỉnh, xây dựng các quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội phù hợp với kế hoạch quản lý không gian liên ngành khu vực ven bờ.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh đầu tư các công trình hạ tầng thủy sản.

- Kêu gọi, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển kinh tế biển.

**3. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân về quy hoạch, quy trình thủ tục thuê đất, mặt nước biển, kiểm soát việc sử dụng tài nguyên, môi trường phù hợp với kế hoạch quản lý không gian liên ngành khu vực ven bờ...

**4. Sở Công Thương:** Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu quảng bá sản phẩm các địa phương ven biển; hỗ trợ địa phương quy hoạch phát triển các điểm, cụm công nghiệp, đóng sửa tàu thuyền, làng nghề chế biến, xây dựng các chợ đầu mối; quy hoạch các cây xăng dầu ven biển.

**5. Sở Khoa học và Công nghệ:** Chủ trì nghiên cứu và triển khai áp dụng các đề tài, công nghệ tiên tiến vào các hoạt động phát triển thủy sản, kinh tế biển, bảo vệ môi trường...

**6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:** Hỗ trợ phát triển các mô hình, sản phẩm du lịch sinh thái ven biển gắn với hoạt động đồng quản lý nghề cá.

**7. Sở Lao động Thương binh và Xã hội:** Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển hướng dẫn triển khai các chính

sách liên quan về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, giải quyết việc làm nhân dân ven biển.

8. Các sở, ngành liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, tham mưu cho UBND tỉnh về những vấn đề liên quan chuyên ngành của mình, tham gia giải quyết các vướng mắc, tồn tại và hướng dẫn, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện có hiệu quả kế hoạch quản lý Kế hoạch quản lý không gian liên ngành khu vực ven bờ.

9. UBND huyện Đông Hòa, thị xã Sông Cầu, thành phố Tuy Hòa:

- Chủ động, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra, hướng dẫn, giám sát các tổ chức, cá nhân đầu tư, sản xuất trên địa bàn thực hiện Kế hoạch quản lý không gian liên ngành khu vực ven bờ.

- Chỉ đạo các Phòng, Ban chức năng, UBND các xã, phường, thị trấn ven biển tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý, ngăn chặn kịp thời các vi phạm pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản (khai thác trái tuyến, sử dụng ngư lưới cụ hủy diệt, khai thác tại các khu vực cấm khai thác theo mùa sinh sản của thủy sản,...), vi phạm về môi trường sinh thái (xả thải gây ô nhiễm môi trường, xâm lấn rừng phòng hộ, phá hủy rạn san hô,...) theo thẩm quyền.

Trong quá trình triển khai Kế hoạch, theo chức năng nhiệm vụ được giao có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp) điều chỉnh cho phù hợp./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hữu Thế**